

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VNIndex đóng cửa ở ngưỡng thấp nhất trong ngày

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Cả 4 HĐTL đều giảm điểm trong phiên hôm nay

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

MBB, MWG

[Cập Nhật Công Ty]

POW

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị chỉ mở lại một phần vị thế ngắn hạn khi thị trường rơi về vùng hỗ trợ đề cập.

17/12/2019

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	954.03	-0.77
VN30	867.44	-1.05
HĐTL VN30	868.00	-1.07
HNXIndex	102.90	-0.31
HNX30	183.08	-0.07
UPCoM	55.33	-0.36
USD/VNĐ	VND23,175	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.51	-0
Lãi suất qua đêm (%)	3.06	-14
Dầu (WTI, \$)	60.21	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,477.82	+0.11



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 954.03 (-0.77%)
KLGD (triệu CP) 280.9 (+40.7%)
GTGD (triệu US\$) 193.8 (-20.8%)

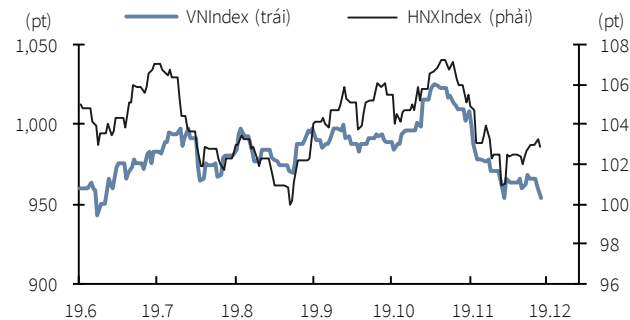
HNXIndex 102.90 (-0.31%)
KLGD (triệu CP) 50.6 (+92.7%)
GTGD (triệu US\$) 11.0 (+12.4%)

UPCoM 55.33 (-0.36%)
KLGD (triệu CP) 8.4 (+24.0%)
GTGD (triệu US\$) 3.9 (+5.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -0.2

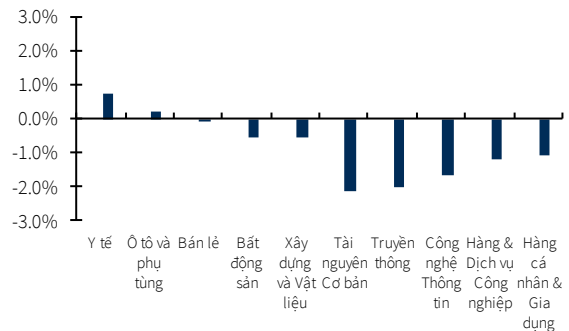
Áp lực bán gia tăng, tập trung ở nhóm cổ phiếu trụ cột (VHM, VNM, VCB, GAS...) khiến chỉ số VNIndex giảm dần về cuối phiên và đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày với thanh khoản ở mức cao và độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về số mã giảm điểm. Nhóm cổ phiếu trụ cột nhìn chung có diễn biến tiêu cực hơn so với thị trường chung. Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 có duy nhất 2 mã tăng (EIB, MWG) và 22 mã giảm điểm. Nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao tiếp tục tăng mạnh, với các mã tăng trần như FIT, KLF, HQC... Khối nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại bán ròng với giá trị thấp, tập trung ở HPG, ITA, KBC...

VN Index & HNX Index



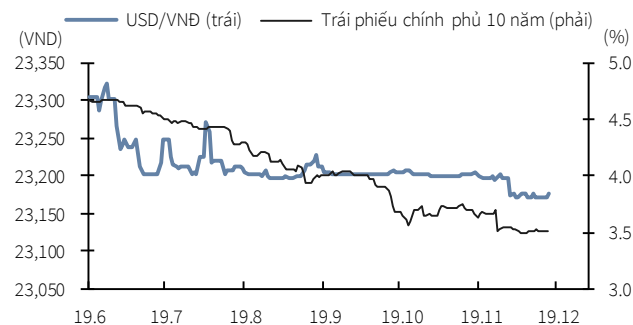
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



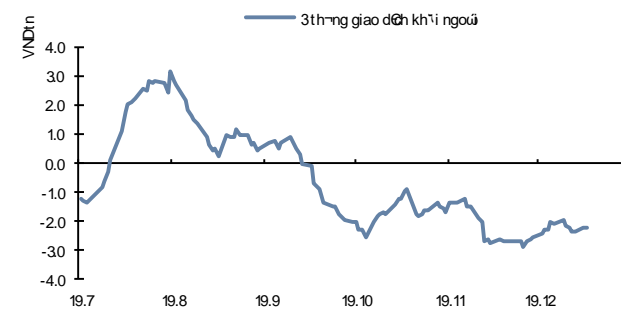
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 867.44 (-1.05%)
VN30 tương lai 868.0 (-1.07%)
Mở cửa 878.0
Cao nhất 878.0
Thấp nhất 868.0

Hợp đồng 73,442(+11.3%)
KL HĐ mở OI 18,865 (6.5%)

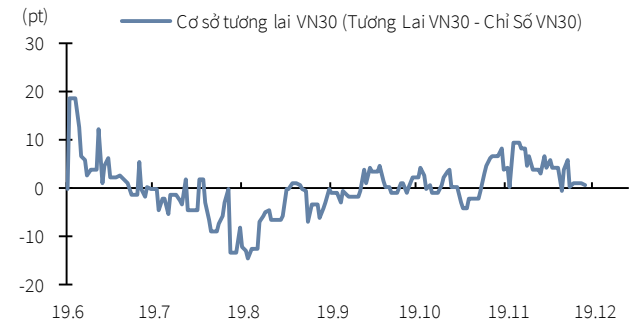
Cả 4 HĐTL đều giảm điểm trong phiên hôm nay, phù hợp với diễn biến điều chỉnh của chỉ số VN30. Thanh khoản và khối lượng HĐ mở của HĐ F1912 đều tăng khi mà chỉ 2 ngày nữa HĐ này sẽ đáo hạn. Tương tự, thanh khoản và khối lượng HĐ mở của HĐ kỳ hạn tiếp theo, F2001, cũng tăng nhẹ. Chênh lệch giữa các kỳ hạn và chỉ số VN30 duy trì ở mức thấp (0.6 điểm đến 16 điểm tùy HĐ).

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



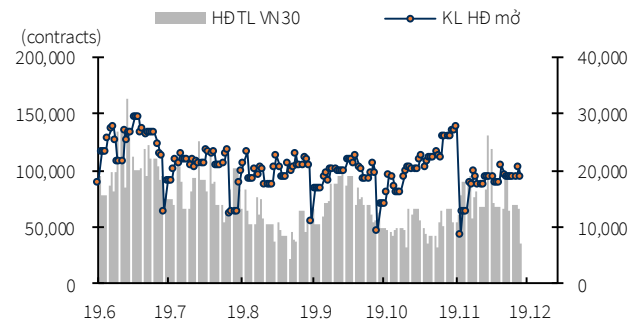
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



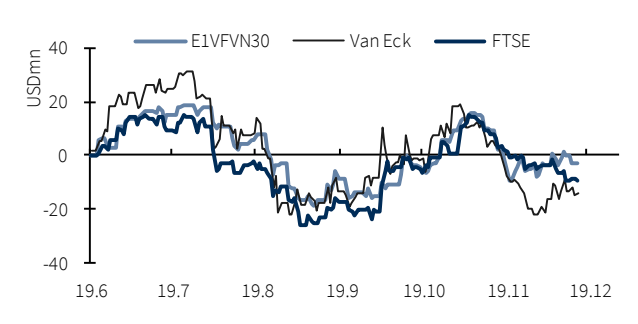
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

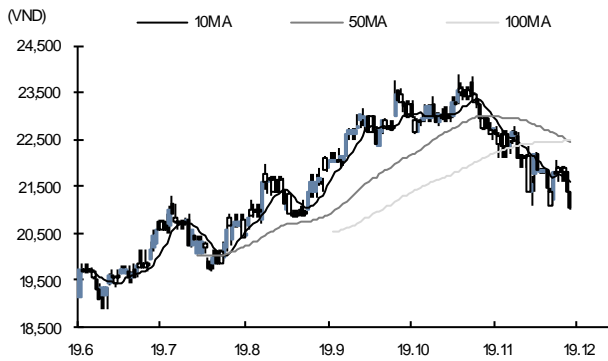
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

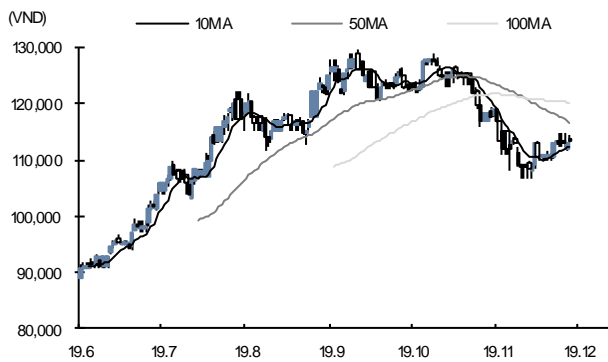
MBB



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB giảm 1.6% xuống mức 21,050 VNĐ/cp.
- MBB phát hành cổ phiếu ESOP trong phiên ngày 16/12, với khối lượng hơn 43 triệu cổ phiếu trong ngày hôm qua, tương ứng với xấp xỉ 2% số cổ phiếu đang lưu hành. Đồng thái trên của MBB giúp số cổ phiếu NĐT nước ngoài được phép mua ở cổ phiếu này tăng thêm xấp xỉ 8 triệu cổ phiếu. Toàn bộ số cổ phiếu này đã được NĐT nước ngoài mua ròng trong phiên 16/12.

MWG



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 0.1% lên mức 113,300 VNĐ/cp.
- Nghị quyết HĐQT MWG mới đây được công bố cho thấy doanh nghiệp này lên kế hoạch doanh thu thuần đạt 122,554 tỷ đồng và lãi sau thuế đạt 4,835 tỷ đồng. Như vậy, so với kế hoạch năm 2019, mục tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2020 của MWG tăng lần lượt 13% và 34.4%.

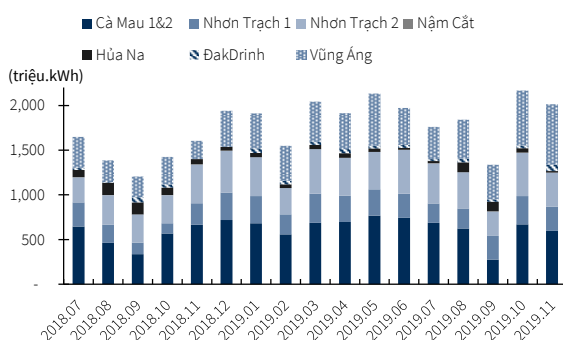
Sản lượng điện tháng 11 của POW

Kì vọng sẽ hoàn thành vượt mức kế hoạch 2019

Tháng 11/2019, các nhà máy điện của PVPower (POW:HOSE) đã sản xuất được 2,014.06 triệu kWh điện, lũy kế đến hết tháng 11/2019, sản lượng điện đạt 20,642.06 triệu kWh, bằng 95.6% kế hoạch cả năm 2019.

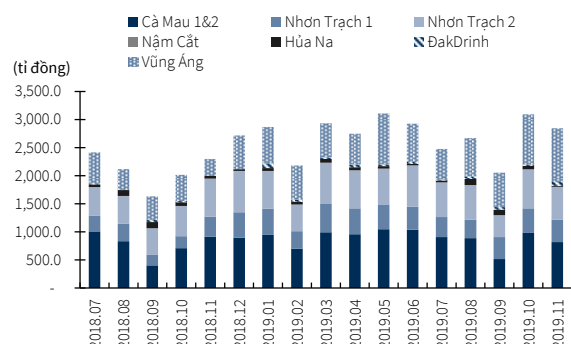
- Tháng 11/2019, các nhà máy điện của PVPower đã sản xuất được 2,014.06 triệu kWh điện bằng 102.7% so với kế hoạch tháng 11/2019. Lũy kế đến hết tháng 11/2019, sản lượng điện đạt 20,642.06 triệu kWh, bằng 105.2% so với kế hoạch 11 tháng 2019 và đạt 95.6% kế hoạch cả năm 2019. Doanh thu lũy kế đến tháng 11 của PVPower đạt 31,405 tỉ đồng, bằng 105.2% so với kế hoạch 11 tháng 2019 và bằng 95.8% kế hoạch cả năm 2019.
- Trong tháng 11/2019, tình hình thủy văn tiếp tục diễn biến không khả quan, gây khó khăn cho việc huy động và điều tiết các nguồn điện. Ngoại trừ một số hồ thủy điện ở miền Nam và Tây Nguyên có lưu lượng nước tương đương trung bình nhiều năm, nhiều hồ thủy điện lớn ở Bắc Bộ và Trung Bộ đến nay lượng nước về vẫn thấp hơn nhiều so với năm 2018 cũng như trung bình nhiều năm. Trong bối cảnh đó, các nhà máy nhiệt điện tiếp tục được huy động với hiệu suất cao hơn để bù đắp lượng điện thiếu hụt, trong đó, có các nhà máy nhiệt điện của PVPower. Cụ thể như: Nhiệt điện Cà Mau 1&2 sản lượng đạt 597 triệu kWh bằng 102% so với kế hoạch, Nhiệt điện Vũng Áng sản lượng đạt 675 triệu kWh bằng 130.9% so với kế hoạch. Tuy nhiên, do nguồn khí bị suy giảm, các nhà máy Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 chỉ hoàn thành được lần lượt 91.1% và 87% so với kế hoạch.
- Về tiến độ đầu tư dự án nhà máy Nhơn Trạch 3&4, đơn vị tư vấn PECC2 đang hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi dự kiến trình PVPower trong tháng 12/2019. Cùng với đó, PVPower cũng đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng để thu xếp vốn cho các dự án, đồng thời tổ chức làm việc với EVN EPTC và PVGas để đàm phán Hợp đồng mua bán điện và mua bán khí cho dự án này.
- Theo dự báo của chúng tôi, sản lượng điện sản xuất trong năm 2019 của PVPower sẽ đạt trên 22.6 tỉ kWh, đạt 104.6% so với kế hoạch và 107.6% so với năm 2018; doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ cả năm đạt lần lượt trên 34,200 tỉ đồng và 3,000 tỉ, bằng 104.4% và 131.9% so với kế hoạch và tăng trưởng 4.7% và 56% so với năm 2018. Trong đó, lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ quý 4/2019 sẽ đóng góp khoảng 750 tỉ, gấp 2.65 lần kết quả quý 4/2018. Nguyên nhân cho kết quả này sẽ là 1) sản lượng phát điện tăng mạnh 20% so với quý 4/2018, 2) chi phí khấu hao giảm 165 tỉ, 3) chi phí lãi vay sẽ giảm 60 tỉ.

Biểu đồ 1. Sản lượng sản xuất điện theo tháng của POW



Nguồn: POW, KBSV Research

Biểu đồ 2. Doanh thu ước tính theo tháng của POW



Nguồn: POW, KBSV Research

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

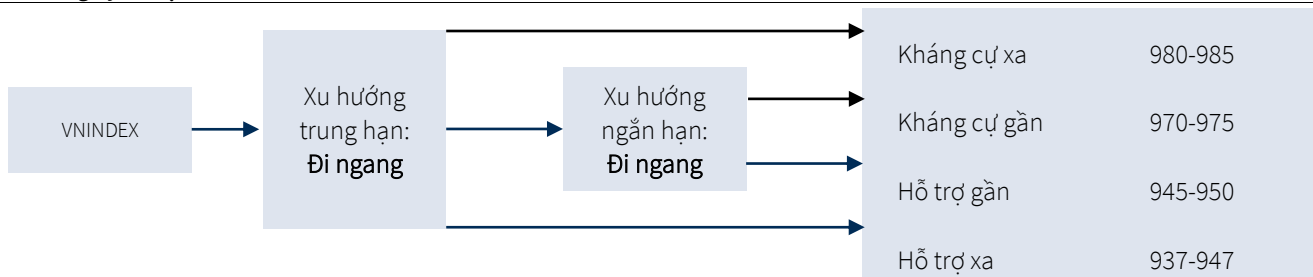
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục trải qua phiên sụt giảm thứ 3 liên tiếp như kịch bản dự báo với độ rộng nghiêng hoàn toàn về số mã giảm điểm.
- Xu hướng giảm điểm vẫn chi phối và nhiều khả năng chỉ số sẽ sớm phá vỡ vùng đáy ngắn hạn tại quanh 950, hướng xuống vùng hỗ trợ mạnh kế tiếp tại quanh 940.
- NĐT được khuyến nghị chỉ mở lại một phần vị thế ngắn hạn khi thị trường rơi về vùng hỗ trợ đề cập. Mặc dù diễn biến phân hóa sẽ xảy ra, giúp giảm bớt độ dốc giảm điểm nhưng khả năng kéo dài thêm của nhịp điều chỉnh cần được tính đến.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 cũng đã lùi sâu về vùng đáy ngắn hạn trong hôm nay.
- Chúng tôi duy trì dự báo về kịch bản tiếp tục giảm điểm với vùng hỗ trợ mạnh kế tiếp được điều chỉnh nhẹ xuống quanh 855 (+5) điểm.
- NĐT được khuyến nghị chờ các nhịp giảm trong phiên để cover lại vị thế Short đã mở, đồng thời kê lệnh Long từng phần khi chỉ số rơi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

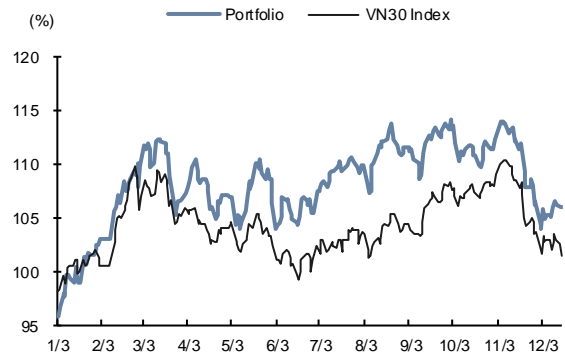
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.05	-0.94
Tăng lũy kế (YTD)	1.456	6.06

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/12/2019	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	113,300	0.1%	-2.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,750	-13%	-0.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,200	-17%	7.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,050	-16%	6.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	36,000	-16%	5.9%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	55,400	-19%	43.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Gemadep Corp (GMD)	22/08/2018	23,500	-17%	-11.8%	- Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại - Dự án Nam Định Vũ giai đoạn 1 thúc đẩy tăng trưởng doanh thu - Mảng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,350	-0.9%	-8.4%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,150	-2.5%	-1.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	17,600	0.0%	-0.4%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
ROS	0.0%	20.0%	15.8
E1VFN30	-0.6%	58.6%	14.6
BID	-1.1%	32.7%	8.1
BVH	-0.7%	98.8%	7.0
VHM	-0.7%	18.0%	6.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-2.5%	15.0%	-38.6
VCB	-0.8%	23.8%	-12.0
KBC	1.0%	38.1%	-11.2
SSI	-2.1%	19.7%	-8.2
DBC	0.2%	27.1%	-6.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.4%	2.2%	2.0
IDV	0.0%	1.7%	0.4
PVS	0.0%	13.7%	0.4
BII	0.0%	8.0%	0.3
SLS	0.0%	8.9%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-1.6%	10.9%	-3.1
HUT	8.3%	24.4%	-1.0
AMV	-3.6%	3.9%	-0.5
VNR	0.0%	25.3%	-0.2
HAD	0.0%	8.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	5.8%	YEG, PNC
Bảo hiểm	5.5%	BVH, PGI
Ô tô và phụ tùng	3.3%	TCH, HHS
Bán lẻ	1.9%	MWG, SBV
Ngân hàng	1.0%	BID, TCB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-4.5%	HPG, DHC
Bất động sản	-2.5%	VHM, VRE
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.3%	MSH, PNJ
Du lịch và Giải trí	-1.0%	VJC, HVN
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.7%	LGC, AST

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	8.6%	TCH, HHS
Y tế	2.6%	DCL, TRA
Tài nguyên Cơ bản	1.1%	HPG, NKG
Bảo hiểm	-1.0%	PGI, BMI
Du lịch và Giải trí	-2.3%	SKG, DAH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-13.5%	YEG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	-8.1%	MSN, VNM
Dầu khí	-7.5%	PLX, GAS
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-6.8%	GAS, POW
Ngân hàng	-5.5%	HDB, VCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	115,800	390,081 (16,831)	46,140 (2.0)	21.9	74.5	43.9	44.1	6.1	8.1	5.0	4.5	0.0	-0.1	-3.2	21.5
	VHM	VINHOMES JSC	85,500	286,383 (12,357)	203,087 (8.8)	34.0	14.9	10.7	35.0	33.5	35.9	4.8	3.3	-0.7	-6.6	-11.2	16.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	32,900	76,618 (3,306)	159,617 (6.9)	16.3	27.7	21.7	8.5	9.6	10.8	2.6	2.4	-2.9	-5.7	-6.5	17.9
	NVL	NOVA LAND INVES	56,000	53,147 (2,293)	20,179 (0.9)	31.4	18.3	17.3	-4.3	14.6	12.1	2.3	-	0.0	1.4	-4.3	-12.8
	KDH	KHANGDIENHOUSE	26,600	14,482 (625)	9,289 (0.4)	4.5	15.6	11.9	20.7	12.9	15.0	1.9	1.8	-1.8	-0.7	1.5	4.8
	DXG	DAT XANH GROUP	14,050	7,392 (315)	23,287 (1.0)	3.5	5.2	4.9	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	-2.1	2.9	-10.5	-24.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	85,300	316,367 (13,651)	51,359 (2.2)	6.2	19.3	15.1	24.5	24.4	24.4	3.9	3.0	-0.8	-0.1	-4.9	59.4
	BID	BANK FOR INVESTM	41,450	166,713 (7,193)	25,676 (1.1)	12.0	26.4	18.9	15.9	12.9	14.1	2.2	2.0	-1.1	3.9	-1.3	20.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,750	79,628 (3,436)	27,635 (1.2)	0.0	8.4	7.2	8.5	16.8	16.5	1.3	1.1	-1.7	1.6	-8.6	-12.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,250	75,399 (3,253)	60,866 (2.6)	0.6	10.1	8.2	30.5	10.8	13.4	1.0	0.9	-0.2	1.0	-6.7	4.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,300	46,450 (2,004)	23,052 (1.0)	0.0	6.1	5.0	13.6	20.5	20.8	1.1	0.9	-1.5	1.3	-9.8	-3.3
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,050	48,956 (2,112)	73,709 (3.2)	0.3	6.5	5.6	18.8	21.2	21.0	1.3	1.1	-1.6	-0.2	-7.5	16.9
	HDB	HDBANK	26,950	26,438 (1,141)	39,527 (1.7)	6.2	8.3	7.1	12.8	18.7	19.5	1.4	1.3	-2.2	-2.7	-4.9	-11.1
	STB	SACOMBANK	10,050	18,127 (782)	24,883 (1.1)	11.4	8.3	6.2	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	0.0	0.0	-6.1	-15.9
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,000	17,358 (749)	3,563 (0.2)	0.0	7.0	5.4	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	0.0	-0.9	-5.6	5.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,000	20,900 (902)	1,743 (0.1)	0.0	27.2	26.4	9.4	5.1	8.0	1.3	1.3	0.6	1.8	-9.8	21.0
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	72,200	50,604 (2,183)	11,122 (0.5)	23.7	42.0	31.5	19.2	8.3	9.6	3.0	2.7	-0.7	6.6	-1.4	-18.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,650	2,252 (097)	1,012 (0.0)	11.5	26.4	-	-	7.9	-	989.6	-	-0.4	-1.8	-4.1	19.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,650	9,475 (409)	24,657 (1.1)	44.5	4.6	4.2	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	-2.1	-2.9	-11.6	-30.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	30,850	5,070 (219)	3,433 (0.1)	62.7	8.2	8.5	-14.5	16.0	13.9	1.2	1.1	-1.8	-3.0	-8.0	-33.7
	HCM	HOCHIMINH CITY	22,800	6,966 (301)	19,864 (0.9)	42.9	19.4	13.4	-16.4	9.8	11.5	1.6	1.5	-1.5	0.0	-8.8	-4.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,450	3,014 (130)	2,670 (0.1)	8.5	9.5	8.3	-4.2	11.4	12.3	0.9	0.9	0.7	4.0	1.8	-11.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	117,100	203,915 (8,799)	110,202 (4.8)	41.5	20.9	19.7	6.9	38.7	38.1	7.3	6.6	-1.3	-0.9	-4.8	-2.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	233,000	149,419 (6,447)	8,294 (0.4)	36.7	29.6	24.1	25.1	33.5	36.0	8.8	7.7	0.0	0.0	-7.5	-12.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	56,100	65,578 (2,830)	79,828 (3.4)	9.9	14.6	12.5	-1.7	13.9	14.5	1.9	1.7	-1.1	-0.9	-24.7	-27.6
	HNG	HOANGANH GIA LA	14,500	16,074 (694)	4,632 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	1.8	0.0	-2.4	-9.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	142,600	74,699 (3,223)	62,968 (2.7)	10.4	13.6	11.7	6.4	38.0	37.3	4.6	3.6	-0.3	-0.8	-0.5	18.8
	GMD	GEMADEPT CORP	23,500	6,978 (301)	4,948 (0.2)	0.0	12.7	11.8	-44.5	9.5	9.7	1.1	1.1	-1.7	2.6	-6.0	-10.1
	CII	HOCHIMINH CITY	22,750	5,638 (243)	6,773 (0.3)	19.0	11.1	10.1	147.6	11.0	12.2	-	-	0.0	-0.4	-4.0	-13.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	24,000	13,622 (588)	774,739 (33.4)	45.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.0	-3.6	-38.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,750	9,643 (416)	16,519 (0.7)	33.1	7.9	10.0	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	-0.3	-0.8	-4.6	2.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	61,900	4,723 (204)	3,821 (0.2)	1.2	7.0	7.4	-30.7	8.6	7.8	0.6	0.5	-1.6	-1.4	-10.2	-61.3
	REE	REE	36,000	11,162 (482)	22,813 (1.0)	0.0	6.3	6.1	1.1	16.8	15.9	1.0	0.9	-1.6	-1.6	-3.0	16.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	97,500	186,610 (8,052)	30,208 (1.3)	45.4	15.5	15.4	2.4	25.9	25.7	3.9	3.6	-0.7	-0.4	-9.7	12.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,450	6,463 (279)	7,281 (0.3)	30.3	8.8	8.9	-1.6	19.8	19.1	1.7	1.7	0.2	-0.2	-3.4	-8.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	28,500	9,137 (394)	10,842 (0.5)	32.8	10.1	9.9	-9.1	16.5	16.3	1.6	1.6	-3.2	-1.6	8.6	57.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	23,150	63,919 (2,758)	147,359 (6.4)	10.9	8.7	6.9	7.0	16.9	18.2	1.3	1.1	-2.5	-5.1	2.2	-2.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,450	5,263 (227)	3,056 (0.1)	30.0	20.4	12.4	-18.4	3.6	6.0	0.7	0.7	-0.4	2.7	-3.9	-39.7
	DCM	PETROCA MAU FER	6,680	3,536 (153)	993 (0.0)	46.6	8.9	10.8	-	6.4	5.3	0.6	0.6	-0.9	1.1	-5.0	-35.1
	HSG	HOA SENG GROUP	8,090	3,424 (148)	38,274 (1.7)	31.4	9.0	6.9	-6.4	6.7	8.0	0.5	0.5	-3.9	-3.6	4.4	36.7
	AAA	AN PHAT PLASTIC	13,900	2,380 (103)	24,230 (1.0)	37.1	6.2	6.2	49.2	16.4	16.3	0.8	0.8	-1.4	0.0	-7.6	-5.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	55,600	66,209 (2,857)	9,365 (0.4)	6.6	17.0	16.5	10.2	19.4	20.0	3.1	3.1	-1.1	0.0	-7.2	4.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,900	6,275 (271)	25,496 (1.1)	28.7	39.0	28.3	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	-1.0	1.7	-9.1	12.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,700	4,700 (203)	6,236 (0.3)	17.3	10.4	7.2	3.1	13.2	13.4	0.9	0.8	-0.3	1.2	-5.4	6.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	113,300	50,157 (2,164)	63,818 (2.8)	0.0	13.5	10.7	25.6	34.4	32.1	4.1	3.1	0.1	2.1	-4.4	30.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	82,200	18,295 (789)	29,019 (1.3)	0.0	16.5	13.8	20.7	27.8	28.2	4.0	3.3	-1.7	-0.7	-3.6	17.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	41,800	1,233 (053)	1,116 (0.0)	67.7	-	25.2	-40.0	-4.1	3.6	0.9	0.9	-2.8	7.2	-15.6	-82.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	26,650	2,105 (091)	2,947 (0.1)	1.2	6.6	6.2	0.0	25.7	22.8	1.5	1.3	-1.7	-1.7	-28.0	-57.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	52,100	7,060 (305)	22,454 (1.0)	42.5	6.5	6.5	31.3	30.8	35.3	2.3	2.0	0.0	-3.2	-7.6	55.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	94,600	12,369 (534)	821 (0.0)	45.6	20.8	19.5	4.0	20.1	20.0	3.7	3.5	0.6	-0.9	-1.5	19.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	54,800	4,111 (177)	509 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.7	-0.2	-13.7
IT	FPT	FPTCORP	55,400	37,577 (1,621)	78,000 (3.4)	0.0	11.9	10.1	24.3	24.0	24.7	2.5	2.2	-1.9	-0.2	-5.5	44.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.